

Số: 01/2018/QĐST-HNGĐ

Nam Giang, ngày 03 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về việc yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM GIANG, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Võ Trần Duy Hình.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên họp: Bà Hoàng Thị Minh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 về việc chấm dứt việc nuôi con nuôi theo quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông N và bà L. Ông N và bà L có mặt.

Địa chỉ: Tổ 9, thôn T, thị trấn T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh H. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 9, thôn T, thị trấn T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc: “Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi” ngày 25 tháng 8 năm 2018, các bản tự khai của ông N, bà L, anh H và trình bày tại phiên họp của các bên tham gia phiên họp; nội dung việc dân sự như sau:

Ông N và bà L là vợ chồng hợp pháp theo giấy công nhận kết hôn số 54 quyền số 1 do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện N, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 06 tháng 7 năm 1983. Sau 19 (Mười chín) năm chung sống nhưng chưa có con, với

mong muốn có một đứa con để gia đình êm ấm, năm 2000 ông N và bà L xin cháu H (Sinh năm 1999, không xác định được cha mẹ ruột) làm con nuôi và làm khai sinh cho cháu H năm 2003 nhưng không có quyết định về việc giao con nuôi. Trong thời gian chung sống với nhau, ông N và bà L đã là tròn trách nhiệm của cha mẹ nuôi đối với con nuôi, tạo mọi điều kiện tốt nhất để cháu được học hành, rèn luyện bản thân để trở thành người tốt, có công ăn việc làm ổn định. Trong quá trình chung sống, anh H không có tài sản riêng cũng như không có công lao đóng góp vào khối tài sản chung của ông N và bà L. Đến nay, khi anh H đã trưởng thành nên ông N và bà L có yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi với anh H và anh H cũng tự nguyện đồng ý với yêu cầu của cha mẹ nuôi. Hai bên thống nhất giữ nguyên giấy khai sinh của anh H theo nguyện vọng của anh H để anh H thuận lợi trong học tập và sinh sống.

Bên cạnh đó, do anh H không có tài sản riêng cũng như không có công lao đóng góp vào khối tài sản chung của cha mẹ nuôi nên ông N và bà L vẫn tiếp tục chu cấp về tài chính cho anh H tiếp tục học đại học trong 04 (Bốn) năm tới (Từ năm 2018 đến năm 2022) theo sự thỏa thuận giữa hai bên.

Về lệ phí dân sự: Ông N và bà L tự nguyện chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

Anh H (đã đủ tuổi trưởng thành) trình bày: Anh H xác nhận lời trình bày của ông N và bà L là đúng sự thật. Nay anh đã trưởng thành tự lo cho cuộc sống bản thân, anh đề nghị được chấm dứt việc là con nuôi của ông N và bà L theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự:

Từ khi thụ lý cho đến khi giải quyết, thẩm phán và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện N áp dụng khoản 5 Điều 29, 35, 369 và Điều 370 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 25 của Luật nuôi con nuôi năm 2010 và Điều 78 của Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu của ông N và bà L về việc chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Việc kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam nhận định:

[1] Ông N và bà L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với anh H, căn cứ theo khoản 5 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Giang.

Các đương sự hiện nay đều có địa chỉ nơi cư trú tại huyện N, tỉnh Quảng Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Giang theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

Ông N và bà L là vợ chồng hợp pháp theo quy định pháp luật. Vì mong muốn có con để êm ấm nhà cửa nên ông N và bà L nhận anh H làm con nuôi làm khai sinh cho cháu H năm 2003 nhưng không có quyết định về việc giao con nuôi.

Về vấn đề không có giấy chứng nhận nuôi con nuôi đối với anh H, ông N và bà L đã có đơn trình bày và được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện N xác nhận: Do lúc làm đăng ký khai sinh cho anh H năm 2003, bên đi đăng ký là ông N và Ủy ban nhân dân thị trấn T không nắm rõ quy định của pháp luật nên không làm thủ tục cấp giấy chứng nhận nuôi con nuôi cho anh H. Xét thấy, vào thời điểm năm 2003, việc cập nhật văn bản pháp luật của người dân còn hạn chế nên việc thiếu sót dễ xảy ra; do đó, Tòa án chấp nhận trình bày của ông N, bà L và Ủy ban nhân dân thị trấn T về việc không có giấy chứng nhận nuôi con nuôi đối với anh H.

Xét yêu cầu của ông N và bà L về việc chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với anh H và anh H cũng thuận tình với yêu cầu trên, căn cứ theo khoản 1 Điều 25 Luật nuôi con nuôi năm 2010, khoản 1 Điều 78 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc thỏa thuận của các đương sự không trái với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông N và bà L chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với anh H theo đúng quy định pháp luật.

Xét yêu cầu giữ nguyên giấy khai sinh của anh H theo nguyện vọng của anh H để anh H thuận lợi trong học tập và sinh sống là chính đáng, Tòa án chấp nhận.

Xét nguyện vọng của ông N và bà L vẫn tiếp tục chu cấp về tài chính cho anh H tiếp tục học đại học trong 04 (Bốn) năm tới (Từ năm 2018 đến năm 2022) theo sự thỏa thuận giữa hai bên là hợp lý, Tòa án công nhận.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Các đương sự cùng chịu lệ phí dân sự sơ thẩm đối với việc hôn nhân và gia đình về việc chấm dứt việc nuôi con nuôi là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Tại phiên họp, ông N và bà L có nguyện vọng chịu toàn bộ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm; Tòa án chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 78 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 25, 26 và Điều 27 Luật nuôi con nuôi năm 2010;

Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 03/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

- Chấp nhận yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của ông N và bà L đối với anh H.

Ông N và bà L vẫn tiếp tục chu cấp về tài chính cho anh H tiếp tục học đại học trong 04 (Bốn) năm (Từ năm 2018 đến năm 2022) theo sự thỏa thuận giữa hai bên.

Chấm dứt các quyền và nghĩa vụ giữa ông N và bà L đối với anh H.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Các đương sự cùng chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 003620 ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Quảng Nam. Ông N và bà L đã nộp đủ lệ phí.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Ông N, bà L và anh H có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhận dân huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Võ Trần Duy Hình